TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2023/DS-PT
Ngày 16 - 6 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân, ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Mộng Thúy, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/TLPT-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2023/DS-ST ngày 21 tháng 2 năm 2023, của Toà án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 148/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị Thanh Y năm 1986; cư trú tại: Số H, đường C, khu phố D, phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninhcó mặt.

2. Bị đơn: Anh Thái Công T năm 1980 và chị Đinh Thu B năm 1982; cư trú tại: Số D, hẻm A, đường số E T1tổ C, khu phố L, phường L, Thị xã H, tỉnh Tây Ninhvắng mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn: Anh Thái Công T1 Đinh Thị Thu B1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, chị Dương Thị Thanh Y1 bày:

Chị có cho vợ chồng anh T1 B1vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

Ngày 26/8/2022, anh T1 B1vay số tiền 1.550.000.000 đồng, hẹn chậm nhất ngày 23/9/2022 trả hết nợ.

Ngày 20/9/2022, anh T1 B1vay số tiền 350.000.000 đồng, , hẹn chậm nhất ngày 31/12/2022 trả hết nợ.

Anh Tchị T2 B1vay tiền để cho người khác vay lại đáo hạn ngân hàng. Giấy vay tiền do chị Đinh Thu B1, anh Thái Công T3 tên. Lãi suất hai bên thỏa thuận bằng lời nói từ 3-4%/tháng, nếu trả sớm thì chị Y2 tiền lãi cho anh T1 BTừ ngày vay đến nay anh T1 Bvẫn chưa trả khoản tiền vốn, tiền lãi nào cho chị.

Nay chị Y3 cầu vợ chồng anh T1 Ba ptrả tiền vốn vay còn nợ là 1.900.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Anh Tchị B2 vay tiền của chị Y4 nhiều lần. Quá trình vay tiền bắt đầu từ khoảng đầu năm 2021, thời điểm này chị Y5 anh T, chị B3 bằng tiền mặt nhưng kể từ ngày 28/10/2021 đến ngày 09/8/2022 thì tất cả các giao dịch của anh Tchị B4 thực hiện bằng hình thức chuyển khoản và hai bên có thỏa thuận lãi suất là 15%/tháng.

Theo đó, chị Ysử dụng tài khoản số 999345 mở tại Ngân hàng TMCP Q(sau đây gọi tắt là "Ngân hàng Vvà tài khoản số 6666537 mở tại Ngân hàng TMCP Á(sau đây gọi tắt là "Ngân hàng ACòn chị Bsử dụng tài khoản số 66110000187178 mở tại Ngân hàng B2và tài khoản số 8277 mở tại Ngân hàng A chuyển trả tiền lãi và nợ gốc cho chị Y

Cụ thể quá trình vay tiền được thực hiện như sau:

+ Trước ngày 28/10/2021, chị Y6 cho anh T1 Btiền mặt, không lập giấy vay tiền. Ngày 25/5/2022, chị Y7 khoản cho anh T1 Bsố tiền 350.000.000 đồng, nội dung chuyển khoản có chốt lại số tiền gốc tính từ khi bắt đầu vay đến ngày 25/5/2022 là 1.750.000.000 đồng.

+ Từ ngày 26/5/2022 đến ngày 15/6/2022, anh Tchị B5 bà Ytiếp tục thực hiện các giao dịch vay tiền – trả tiền. Tính đến ngày 15/6/2022, anh Tchị B6 nợ chị Y8 số tiền gốc là 1.550.000.000 đồng.

Sau ngày 15/6/2022, giữa anh T1 Bvà chị Y9 phát sinh giao chuyển trả lãi do anh Tchị B7 không có khả năng trả tiền gốc.

+ Ngày 26/7/2022, hai bên chốt nợ và lập Giấy mượn tiền với số tiền là 1.750.000.000 đồng. Trong đó: tiền gốc là 1.550.000.000 đồng và tiền lãi 01 tháng được tính từ ngày 26/7/2022 đến ngày hạn trả nợ ngày 26/8/2022 là 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, giấy này sau đó đã bị xé bỏ, do tiếp đó, ngày 20/9/2022, anh Tchị B8 tục đối chiếu công nợ và chốt làm 02 giấy nợ, cụ thể:

Đối với Giấy mượn tiền ngày 26/8/2022, mặc dù ngày chốt nợ là ngày 20/9/2022 nhưng vì trước đó các bên đã chốt số tiền theo giấy mượn tiền ngày

26/7/2022 và anh T1 Bđã thanh toán đủ lãi là 200.000.000 đồng nên giấy này chỉ thể hiện số tiền nợ gốc là 1.550.000.000 đồng.

Đối với Giấy mượn tiền ngày 20/9/2022, đây thực tế là khoản lãi mà anh T1 Bcòn nợ được tính từ ngày 25/5/2022 đến ngày 20/9/2022, cụ thể:

Số tiền vay tính đến ngày 15-6-2022 là 4.300.000.000 đồng, đã trả 3.261.450.000 đồng tiền vốn. Số tiền lãi phải trả theo mức lãi suất thỏa thuận 15%/tháng: 873.750.000 đồng trừ đi tiền lãi đã trả 511.450.000 đồng = 362.300.000 đồng nhưng phía chị Y10 ý chỉ ghi nợ là 350.000.000 đồng.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của chị Yanh Tchị B9 ý kiến như sau:

+ Anh Tchị Ba c đồng ý trả số tiền nợ gốc theo Giấy mượn tiền đề ngày 26/8/2022 với số tiền là 1.550.000.000 đồng, sau khi khấu trừ số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Cụ thể:

Tiền lãi theo mức lãi suất quy định 0,83%/tháng: (1.750.000.000 đồng x 02 tháng x 0,83%) + (1.550.000.000 đồng x 1,5 tháng x 0.83%) = 29.050.000 đồng + 19.297.500 đồng = 48.347.500 đồng.

Số tiền lãi đã trả vượt quá quy định: 511.450.000 đồng - 48.347.500 đồng = 463.102.500 đồng.

Số tiền nợ gốc phải trả sau khi khấu trừ lãi vượt quy định: 1.550.000.000 đồng - 463.102.500 đồng = 1.086.897.500 đồng.

+ Không đồng ý trả số tiền 350.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 20/9/2022 vì đây là nợ lãi.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 09/2023/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2023, của Toà án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Thanh Y11 với anh Thái Công T5 chị Đinh Thu B10

Buộc anh Thái Công T5 chị Đinh Thu B11 nghĩa vụ trả cho chị Dương Thị Thanh Y12 tiền là 2.081.256.000 (hai tỷ, không trăm, tám mươi mốt triệu, hai trăm, năm mươi sáu ngàn) đồng (trong đó tiền vốn vay là 1.900.000.000 đồng, tiền lãi là 181.256.000 đồng).

Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2022/QĐ-BPKCTT, ngày 07/10/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh về việc phong tỏa tài sản là phần đất thuộc thửa đất số 830, tờ bản đồ số 16, diện tích 303m^2, tọa lạc tại khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh tiếp tục có hiệu lực để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07-3-2023, bị đơn anh Thái Công T1 Đinh Thị Thu B1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án sơ thẩm, anh chị chỉ còn nợ gốc 1.550.000.000 đồng, yêu cầu khấu trừ tiền lãi đã trả vượt mức lãi suất theo quy

định, không đồng ý trả số tiền 350.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 20/9/2022 vì đây là nợ lãi.

Ngày 22-6-2022, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh có Quyết định số 01/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị đối với bản án sơ thẩm theo hướng sửa 01 phần bản án sơ thẩm, không buộc chị B1anh Ttrả số tiền 350.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 20/9/2022 vì chị Y13 nhận khoản nợ này là tiền lãi. Mức lãi suất chậm trả: Hai bên có tranh chấp về lãi suất nhưng cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi 1,66%/tháng là không đúng quy định tại Khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn, chị Đinh Thu Banh Thái Công T6 đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, nhận thấy:

[2.1] Về số nợ vốn: Hai bên đương sự đều thừa nhận có giao dịch vay tiền với nhau nhiều lần, việc giao nhận tiền vay vừa thông qua chuyển khoản vừa giao nhận bằng tiền mặt; ngày 26-8-2022, hai bên chốt nợ và viết giấy nợ với số tiền 1.900.000.000 đồng, sau đó tách số nợ trên viết thành 02 giấy nợ, trong đó, 01 giấy nợ số tiền 1.550.000.000 đồng và 01 giấy nợ số tiền 350.000.000 đồng.

Nguyên đơn cho rằng lý do tách giấy nợ là vì bị đơn hẹn ngày trả cho từng khoản nợ là khác nhau. Bị đơn cho rằng lý do tách giấy nợ vì có 01 khoản là nợ vốn, 01 khoản là nợ lãi và cung cấp chứng cứ là Bản ghi âm ngày 20-9-2022.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn thừa nhận giọng nói của mình trong Bản ghi âm và Bản diễn giải nội dung ghi âm do bị đơn giao nộp nhưng cho rằng không có nội dung như bị đơn trình bày. Qua xem xét tài liệu này thấy rằng: Nội dung ghi âm thể hiện giữa vợ chồng anh T1 Bvà

chị Y14 nhất chốt nợ với số tiền 1.900.000.000 đồng có giấy biên nhận nợ, sau đó viết lại 02 giấy nợ khác, trong đó, nợ vốn 1.550.000.000 đồng, nợ lãi của 51 ngày là 400.000.000 đồng nhưng chỉ ghi giấy nợ 350.000.000 đồng. Cụ thể, chị Y15 (từ phút thứ 2:30): "*51 ngày, tiền lãi là bốn trăm triệu, nhưng mà này chỉ ghi ba trăm năm mươi triệu thôi, bớt đi mười lăm triệu*".... "*Hai tờ mà bây giờ một tờ anh ghi những tờ khác không còn giá trị là sao*"

Như vậy, có đủ căn cứ xác định khoản tiền 350.000.000 đồng theo Giấy nợ ngày 20-9-2022 là tiền lãi; cấp sơ thẩm xác định số tiền này là tiền vay vốn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn là chưa xem xét đánh giá đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ trong vụ án.

Về tiền lãi đã trả: Bị đơn kháng cáo cho rằng đã trả lãi với mức lãi suất vượt quy định, yêu cầu được khấu trừ số tiền 463.102.500 đồng và cung cấp Bản sao kê chuyển khoản giữa hai bên, tuy nhiên, các lần chuyển khoản đều không ghi nội dung chuyển khoản nên không có cơ sở xác định được khoản tiền nào là tiền vay gốc, khoản nào là tiền lãi. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bị đơn.

Về mức lãi suất áp dụng để tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay: Hai bên đương sự đều xác định hợp đồng vay có lãi nhưng chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không ghi trong hợp đồng, tuy nhiên, mỗi bên trình bày khác nhau về mức lãi suất thỏa thuận và không bên nào cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, có căn cứ xác định hai bên tranh chấp về lãi suất nên phải áp dụng mức lãi suất 0,83% tháng theo quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 1,66%/tháng là không đúng. Tiền lãi được tính lại như sau: 1.550.000.000 đồng x 0,83% x 5 tháng 26 ngày = 75.474.670 đồng.

Như vậy, tiền vốn và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 1.625.474.670 đồng, trong đó, tiền vốn là 1.550.000.000 đồng, tiền lãi là 75.474.670 đồng.

[6] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng phân tích trên.

[7] Án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm dân sự như sau:

Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận: 350.000.000 đồng x 5% = 17.500.000 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận: 36.000.000 đồng + 3% x (1.625.474.670 – 800.000.000) = 60.762.440 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận, sửa án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; chấp nhận Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; sửa một phần Bản án sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Thanh Y11 với anh Thái Công T1 Đinh Thu B10

Buộc anh Thái Công T1 Đinh Thu B11 nghĩa vụ trả cho chị Dương Thị Thanh Y12 tiền là 1.625.474.670 (một tỷ, sáu trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn, sáu trăm bảy mươi) đồng, trong đó, tiền vốn vay là 1.550.000.000 (một tỷ, năm trăm năm mươi triệu) đồng, tiền lãi là 75.474.670 (bảy mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn, sáu trăm bảy mươi) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Chị Dương Thị Thanh Y16 chịu 17.500.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 34.500.000 đồng theo biên lai thu số 0020958, ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, chị Y được trả lại 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng.

2.2. Anh Thái Công T7, chị Đinh Thu B12 p1chịu là 60.762.440 đồng (sáu mươi triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn, bốn trăm bốn mươi) đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Thái Công T7, chị Đinh Thu B10 không phải chịu, được trả lại tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0021344 ngày 07-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND. TTN;
- TAND thị xã HT;
- Chi cục THADS thị xã HT;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Thị Hồng Mai